

ABC án số: 315/2022/DS-ST

Ngày: 29/7/2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Ký.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Tốt.

Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Phú Tuấn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 435/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 522/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, Tòa nhà Sailing Tower, X Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: T, tòa nhà Paxsky, số 26, đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Hàn Ngọc V, là đại diện theo pháp luật (Tổng Giám đốc);

- Bà Trần Thị Thu H, là đại diện theo ủy quyền (Văn ABC ủy quyền số 27869.20 ngày 04/01/2021);

- Ông Huỳnh Tấn Công HY, là đại diện theo ủy quyền (Văn ABC ủy quyền số 008984.22 ngày 15/02/2022) – có mặt.

2. Bị đơn:

- Bà Lê AB, sinh năm: 1986 – vắng mặt;

- Ông Trần Thanh ABC, sinh năm: 1983 – vắng mặt.

Địa chỉ: M, đường TTH 02, khu phố 3, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, ABC tự khai, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, có ông Huỳnh Tấn Công Hậu là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 14/9/2018, nguyên đơn và ông Trần Thanh ABC, bà Lê AB có ký Hợp đồng tín dụng số 0864.HDTD.VIB827.18, theo đó nguyên đơn cho ông ABC và bà Anh vay số tiền là: 450.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng; mục đích vay: mua xe ô tô. Theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0864.KUNN.VIB827.18 ngày 15/9/2018 thể hiện lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,99%/năm và được ưu đãi trong 12 tháng đầu tiên; lãi suất sẽ được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở + biên độ 3,99%/năm; trả gốc hàng tháng vào ngày 20, mỗi tháng trả: 7.500.000 đồng, tháng cuối trả: 7.500.000 đồng, kỳ trả đầu tiên: 20/10/2018; ngày trả lãi: 20 hàng tháng.

Sau khi nhận đủ tiền, ông ABC và bà Anh đã thanh toán được số tiền gốc là: 142.600.000 đồng và đã trả được 66.672.412 đồng tiền lãi trong hạn. Số tiền gốc còn lại là: 307.400.000, lãi trong hạn là: 3.130.099 và số tiền lãi quá hạn là: 130.915.445 đồng đến nay ông ABC và bà Anh chưa thanh toán.

Theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 28/10/2019, thể hiện bà Anh được nguyên đơn cấp thẻ tín dụng với hạn mức là: 45.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ, bà Anh đã thanh toán cho nguyên đơn được 6.454.173 đồng tiền lãi, số tiền còn lại không thanh toán dù nguyên đơn đã nhiều lần có văn ABC yêu cầu. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Anh và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với tổng số tiền là: 129.352.443 đồng.

Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Thanh ABC và bà Lê AB thanh toán số nợ còn thiếu của Hợp đồng tín dụng ngày 14/9/2018 là: 441.445.544

đồng; buộc cá nhân bà Lê AB thanh toán số tiền nợ thẻ tín dụng là: 129.352.443 đồng; Ngoài ra, ông ABC và bà Anh còn phải chịu lãi phát sinh cho đến khi trả hết số tiền còn nợ.

Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện và các ABC tự khai.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 02 (hai) nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: thực hiện đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không có mặt theo triệu tập của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, thể hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nêu trên. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện tranh chấp với bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền theo Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản đã ký kết giữa các bên. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

- Theo xác nhận ngày 25/4/2022 của Công an phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, thẻ hiện bị đơn có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số: 362/11/7, đường TTH 02, khu phố 3, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng hiện không còn cư trú tại địa chỉ trên, không rõ đi đâu. Theo xác nhận ngày 15/6/2022 của Công an phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh thẻ hiện bị đơn không đăng ký thường trú, không đăng ký tạm trú tại địa chỉ số: 160/5 Huỳnh Thị Hai, khu phố 4, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo hợp đồng cho vay, chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu thẻ hiện bị đơn có địa chỉ như trên nên việc bị đơn bỏ đi khỏi địa phương, thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a Khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về thủ tục tố tụng:

- Ông Huỳnh Tấn Công Hậu tham gia tố tụng theo Văn ABC ủy quyền số 008984.22 ngày 15/02/2022, việc ủy quyền là hợp lệ nên chấp nhận.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có bất kỳ một ý kiến gì về vụ án trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử không thể xem xét các ý kiến, yêu cầu của bị đơn trong vụ án và đương nhiên bị đơn phải gánh chịu các hậu quả pháp lý bất lợi trong vụ án này.

Căn cứ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

3. Về yêu cầu của đương sự: Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ cũng như lời khai nên Tòa án căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm căn cứ giải quyết vụ án.

3.1. Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng: Nguyên đơn (tổ chức tín dụng) và bị đơn (cá nhân) giao kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Hợp đồng được lập thành văn ABC và có chữ ký của các bên. Căn cứ theo quy định tại các điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nêu trên là hợp pháp, phù hợp về hình thức và nội dung, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên theo nội dung các thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện việc thanh toán tiền gốc, lãi theo đúng thỏa thuận đã ký kết giữa các bên. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản nợ vay nhưng không được thực hiện nên đã khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi là có căn cứ.

3.2. Về Hợp đồng tín dụng ngày 14/9/2018 và Khế ước nhận nợ ngày 15/9/2018: Kể từ khi được giải ngân số tiền 450.000.000 đồng vào ngày 15/9/2018 cho đến nay, ông ABC và bà Anh đã thanh toán cho nguyên đơn được 142.600.000 đồng tiền gốc và sau đó không thanh toán tiếp. Nay nguyên đơn yêu cầu ông ABC và bà Anh phải trả số nợ gốc còn lại là: 307.400.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi trong hạn: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,99%/năm và được ưu đãi trong 12 tháng đầu tiên; lãi suất sẽ được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở + biên độ 3,99%/năm. Tổng số tiền lãi trong hạn là 69.802.511 đồng, ông ABC và bà Anh đã thanh toán được 66.672.412 đồng, còn 3.130.099 đồng chưa thanh toán.

Về tiền lãi quá hạn: Lãi quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn. Ông ABC và bà Anh chưa thanh toán được khoản tiền lãi quá hạn nào trong số tiền lãi quá hạn là 130.915.445 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu ông ABC và bà Anh thanh toán tổng số tiền lãi là 134.045.544 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.3. Về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng: Căn cứ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/10/2019, thể hiện bà Anh được nguyên đơn cấp thẻ tín dụng với hạn mức

là 45.000.000 đồng. Bà Anh đã thanh toán được 20.012.000 đồng cho nguyên đơn nhưng sau đó không thanh toán tiếp nên nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Anh và chuyển toàn bộ dư nợ sang quá hạn. Nay nguyên đơn yêu cầu bà Anh thanh toán số tiền nợ thẻ tín dụng là 129.352.443 đồng, trong đó, nợ gốc là 42.284.682 đồng và lãi là 87.067.761 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

4. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Luật phí, lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

1.1. Buộc ông Trần Thanh ABC và bà Lê AB phải thanh toán một lần ngay sau khi ABC án có hiệu lực pháp luật cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0864.HDTD.VIB827.18 ngày 14/9/2018 và Khế ước nhận nợ số 0864.KUNN.VIB827.18 ngày 15/9/2018 là 441.445.544 (bốn trăm bốn mươi một triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm bốn mươi bốn) đồng; Trong đó, nợ gốc: 307.400.000 (ba trăm lẻ bảy triệu bốn trăm nghìn) đồng, lãi trong hạn: 3.130.099 (ba triệu một trăm ba mươi nghìn không trăm chín mươi chín) đồng và lãi quá hạn: 130.915.445 (một trăm ba mươi triệu chín trăm mười lăm nghìn bốn trăm bốn mươi lăm) đồng.

1.2. Buộc bà Lê AB phải thanh toán một lần ngay sau khi ABC án có hiệu lực pháp luật cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi còn nợ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 28/10/2019, tổng cộng là: 129.352.443 (một trăm hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi ba) đồng; Trong đó, nợ gốc là 42.284.682 (bốn mươi hai triệu hai trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm tám mươi hai) đồng và lãi là 87.067.761 (tám mươi bảy triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi một) đồng

1.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 21.657.822 (hai mươi một triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi hai) đồng, ông Trần Thanh ABC và bà Lê AB liên đới chịu. Ngoài ra, bà Lê AB còn phải chịu thêm 6.467.622 (sáu triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí là: 11.421.484 (mười một triệu bốn trăm hai mươi một nghìn bốn trăm tám mươi tư) đồng, theo biên lai thu tiền án phí lệ phí Tòa án số AA/2021/0023015 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp ABC án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ABC án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Ký